

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO

Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị

Kính gửi: Cổ đông Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị thông báo triệu tập đại hội cổ đông thường niên 2019 như sau:

1. Thành phần tham dự đại hội:

- Tất cả các cổ đông thuộc Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (theo danh sách chốt ngày 05/04/2019);
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị.

2. Thời gian: 8h ngày 28/05/2019 (thứ 3).

3. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị. Khu công nghiệp Quán Ngang – Gio Linh - Tỉnh Quảng Trị.

4. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty trong năm 2018 và phương hướng kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và định hướng năm 2019;
- Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Báo cáo chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
- Và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Tài liệu Đại hội: Tài liệu họp, được đăng tải trên website Công ty: <http://www.mdfquangtri.vn>.



6. Xác nhận tham dự Đại hội:

- Để chuẩn bị cơ sở vật chất cho Đại hội, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự (theo mẫu số I –MDFQT đính kèm) gửi về địa chỉ dưới đây trước 14:00 ngày 24/5/2019. --

7. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự, vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự ĐHĐCĐ* và xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội (*Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền*).

8. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quán Ngang – Gio Linh - Tỉnh Quảng Trị;
- Điện thoại: 0233.3566978, Fax: 0233.3560482 (Liên hệ: Ông Lê Phú Xuyên, DD: 0905222038)

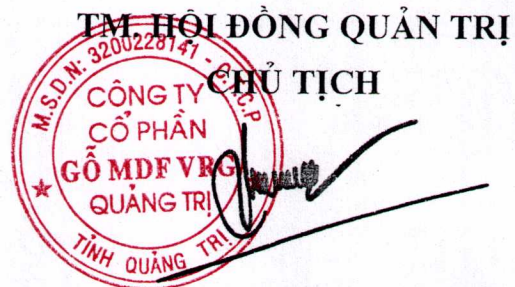
- Cổ đông hoặc người ủy quyền khi tham dự vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thư mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có), Giấy CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Trương Minh Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



....., ngàytháng.....năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - QT

Kính gửi: **Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị**

Tên cổ đông:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND (hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp.....Nơi cấp:.....

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Điện thoại:.....Fax.....Email.....

Mã số cổ đông:.....

Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần.

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần gỗ MDF VRG QT, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo hình thức sau đây:

- Trực tiếp tham dự Đại hội

- Ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội

(Có giấy ủy quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

CỔ ĐÔNG/ TM. CỔ ĐÔNG
(Ký xác nhận và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị

1. Bên uỷ quyền:

Số CMND/ Hộ chiếu/GCNDKKD⁽¹⁾:.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ thường trú⁽²⁾:.....

Hiện sở hữu số cổ phần (mệnh giá 10.000/1 CP) là:.....

Bằng chữ:.....

2. Bên nhận uỷ quyền:.....

Số CMND/ Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

3. Nội dung uỷ quyền:

Bên nhận uỷ quyền sẽ thay mặt Bên uỷ quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên trong phạm vicổ phần trên tổng số.....cổ phần thuộc sở hữu của Bên uỷ quyền.

4. Cam kết:

Bên uỷ quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc uỷ quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị; đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty đối với việc uỷ quyền này.

Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận. Xin trân trọng cảm ơn./.

Ngày tháng năm 2019

Bên được uỷ quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bên uỷ quyền⁽³⁾

(Ký và ghi rõ họ tên)



Ghi chú:

(1) Nếu cổ đông là pháp nhân thì ghi số giấy phép kinh doanh.

(2) Nếu cổ đông là pháp nhân thì ghi địa chỉ trụ sở chính.

(3) Nếu cổ đông là pháp nhân thì thủ trưởng đơn vị ký tên đóng dấu.

- Người được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên không được uỷ quyền lại cho người thứ 3 và phải xuất trình CMND hoặc hộ chiếu hợp lệ trước khi dự Đại hội.

- Các trường hợp chậm trễ, Công ty sẽ không giải quyết.



Quảng Trị, ngày 9 tháng 02 năm 2019

Số: 38 /BC-MDF.QT

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện SXKD - Đầu tư XDCB năm 2018 Kế hoạch SXKD - Đầu tư XDCB năm 2019

Phần I: Tình hình thực hiện SXKD - Đầu tư XDCB năm 2018

1. Tình hình chung:

Chuẩn bị tốt nguyên liệu sản xuất ngay từ đầu năm 2018 lượng tồn kho nguyên liệu 76.700 tấn các loại đủ để sản xuất liên tục trong 2 tháng, đồng thời trong năm công ty điều chỉnh giá linh hoạt, thu hút những nguyên liệu không đối đầu cạnh tranh trực tiếp với các nhà máy dăm xuất khẩu nhằm giảm áp lực cạnh tranh về giá. Việc ra đời nhà máy Giấy Trung Quốc tại Lào sát biên giới tỉnh Quảng Trị cùng với hơn 20 nhà máy Băm dăm xuất khẩu đang là thách thức rất lớn về cạnh tranh nguyên liệu gỗ trên địa bàn.

Thị trường tiêu thụ chính là TP HCM, các tỉnh phía Nam, TP Hà Nội vv... ở xa Công ty nên việc tiêu thụ gặp không ít khó khăn trong khâu vận chuyển, chi phí tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao, khó khăn hơn về cạnh tranh giá bán. Đồng thời năm 2018 nhiều dây chuyền sản xuất MDF công suất lớn như MDF Kim Tín Bình Phước 400.000 m³/năm, dây chuyền 2 của MDF Đôngwha 180.000 m³/năm, MDF Trung Quốc tại Bình Phước 120.000 m³/năm, MDF Nghệ An 120.000 m³/năm vv... cùng lúc tất cả các nhà máy đi vào sản xuất thương mại năm đầu nên ồ ạt thâm nhập thị trường nội địa từ Bắc vào Nam. Vì vậy Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị hoạt động trong bối cảnh hết sức khó khăn.

Giá cả nguyên liệu, hóa chất, phụ gia đầu vào trong năm 2018 tăng mạnh so với 2017 làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản xuất cụ thể như methanol tăng 27,2% từ 9.301 đồng/kg năm 2017 lên 11.832 đồng/kg năm 2018, Melamine tăng 43,94%, Ure tăng 13,1% vv... cụ thể theo bảng sau:

| TT | Mặt hàng | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2017 | Tỷ lệ % tăng, giảm |
|----|---------------|---------|----------|----------|--------------------|
| 1 | Methanol | đồng/kg | 11.832 | 9.301 | 27.21% |
| 2 | Melamine | đồng/kg | 32.785 | 22.778 | 43.94% |
| 3 | Ure | đồng/kg | 7.372 | 6.518 | 13.10% |
| 4 | Nhũ tương | đồng/kg | 14.356 | 14.212 | 1.01% |
| 5 | Nước màu đỏ | đồng/kg | 167.647 | 163.639 | 2.45% |
| 6 | Nước màu xanh | đồng/kg | 90.518 | 89.285 | 1.38% |
| | | | | | |

Riêng gỗ nguyên liệu năm 2017 giá bình quân 750.313 đồng/tấn giảm xuống 704.503 đồng/tấn năm 2018.

Dây chuyền 2 đang trong giai đoạn đầu sản xuất tiêu hao nguyên nhiên liệu đang ở mức cao vì vậy công ty tiếp tục khắc phục những điểm yếu của dây chuyền nhằm nâng cao công suất, giảm giá thành. Đồng thời huy động mọi nguồn lực trả nợ dài hạn nhằm giảm áp lực của dự án có lãi suất cao. Tuy gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2018. Nhưng với tinh thần nỗ lực phấn đấu vận dụng mọi nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản được tập đoàn giao cụ thể sau:

2. Tình sản xuất:

2.1 Sản xuất gỗ MDF: Năm 2018 Tổng sản lượng sản xuất của cả 2 dây chuyền 208.323,81 m³ vượt kế hoạch được giao 3,03%, tăng 3% so với năm trước (202.261 m³). Các loại gỗ công ty sản xuất năm 2018:

| TT | Sản phẩm gỗ MDF các loại | Thực hiện | Kế hoạch | % tăng giảm |
|----|------------------------------|------------|------------|-------------|
| 1 | MDF tiêu chuẩn E2 | 58,414.51 | 61,441.66 | -4.93% |
| 2 | MDF tiêu chuẩn E2 màu | 17,917.80 | 12,388.51 | 44.63% |
| 3 | MDF chống ẩm | 52,794.84 | 75,781.12 | -30.33% |
| 4 | MDF tiêu chuẩn Carb P2 | 32,030.32 | 24,768.75 | 29.32% |
| 6 | MDF tiêu chuẩn HDF | 10,767.41 | 13,000.00 | -17.17% |
| 7 | HDF chống ẩm | 12,835.28 | 14,619.95 | -12.21% |
| 5 | MDF tiêu chuẩn E1 | 6,261.10 | | |
| 8 | LDF tiêu chuẩn E2 | 12,345.08 | | |
| 9 | MDF khác (đóng gói, lót mặt) | 4,957.47 | | |
| | Tổng cộng | 208,323.81 | 202,000.00 | 3.13% |

Trong đó: + Dây chuyền 1: 76.423,01 m³ đạt 106% kế hoạch năm

+ Dây chuyền 2: 131.900,8 m³ đạt 101,21% kế hoạch năm vượt 9,6% công suất thiết kế.

Trong sản xuất Công ty tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào, kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao, cắt giảm những hao phí không cần thiết, loại bỏ độ dư gia công nên tiết kiệm đáng kể tiêu hao nguyên vật liệu. Đồng thời trình độ vận hành công nghệ của CB CNV được nâng cao nên chất lượng sản phẩm đạt cao hơn, giảm tỷ lệ sản phẩm hư hỏng 50% so với kế hoạch và 43% so với năm trước.

2.2 Sản xuất keo UF các loại:

Sản lượng sản xuất keo năm 2018 đạt 29.313 tấn tăng 3,96% so năm trước (28.197 tấn) với tổng chi phí 242,16 tỷ đồng đạt giá thành sản xuất bình quân 8.261 đồng/kg tăng 18% so với năm 2017 (7.025 đồng/kg) do yếu tố giá cả methanol, melamine, ure vv... đầu vào tăng. Sản lượng sản xuất keo năm 2018 cụ thể bảng sau.

BẢNG 03: SẢN XUẤT KEO NĂM 2018

| Chủng loại keo | Năm 2018 | Năm 2017 | % tăng giảm |
|----------------|------------|------------|-------------|
| Keo Chống ẩm | 16,323,377 | 12,567,631 | 29.88% |
| Keo E0 | 472,416 | 2,127,086 | -77.79% |

| | | | |
|-------------------------|-------------------|-------------------|--------------|
| Keo E1 | 4,646,430 | 2,186,790 | 112.48% |
| Keo MUF - E1 | 172,026 | 48,550 | 254.33% |
| Keo MUF - E1 chống ẩm | 81,320 | 148,160 | -45.11% |
| Keo MUF 53% | 1,878,266 | 6,014,281 | -68.77% |
| Keo UF 60% KG | | 3,280,572 | -100.00% |
| Keo UF 60% NA | 5,226,120 | 1,824,130 | 186.50% |
| Keo MUF - siêu chống ẩm | 512,896 | | |
| Cộng các loại | 29,312,851 | 28,197,199 | 3.96% |

Trong tổng số 29.313 tấn keo các loại, Công ty xuất bán ra bên ngoài 5.602 tấn với doanh số 42,5 tỷ đồng mang lại lợi nhuận từ kinh doanh keo 2.072.659.697 đồng cụ thể bảng 04 sau:

BẢNG 04: XUẤT BÁN KEO NĂM 2018

| Mặt hàng | Đvt | Số lượng | Doanh số (chưa thuế) |
|--------------------|-----|------------------|-----------------------|
| Keo Chống ẩm (MMR) | Kg | 196,800 | 1,883,591,455 |
| Keo chống ẩm NA | kg | 49,840 | 478,464,000 |
| Keo E2 Chống ẩm | kg | 4,170 | 40,989,000 |
| Keo MUF - E1 | kg | 152,260 | 1,286,990,000 |
| Keo MUF 53% | Kg | 11,310 | 89,914,500 |
| Keo UF 60% NA | Kg | 5,187,990 | 38,699,899,500 |
| Tổng cộng: | | 5,602,370 | 42,479,848,455 |

Nếu so với lợi nhuận mang lại từ việc kinh doanh keo 370 đồng/kg trên, trong năm 2018 công ty tiết kiệm từ việc sản xuất keo thay vì phải mua ngoài là trên 8,7 tỷ đồng.

2.3 Sản xuất formandehyde: Xưởng formandehyde năm 2018 công ty tổ chức sản xuất 18.600 tấn các loại đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất keo của công ty tăng 9,12% so năm trước. Giá thành sản xuất for các loại 6.315 đồng/kg tăng 22,67% so năm trước 5.148 đồng/kg.

3. Tình hình kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm 2018 được 1.054,74 tỷ đồng đạt 101,48% kế hoạch năm và đạt 100% so năm trước. Trong đó doanh số keo 41,88 tỷ đồng, doanh số gỗ MDF các loại trên 1.000 tỷ đồng.

Trong kinh doanh năm 2018 tình hình thị trường tiêu thụ ngày càng khó hơn, giá bán quý I, II tương đối ổn định. Nhưng sang quý III, IV giá bán giảm do ảnh hưởng nhiều yếu tố khách quan từ thị trường như: Hàng sản xuất trong nước gia tăng, nhiều nhà máy lớn đi vào hoạt động, hàng nhập khẩu về nước nhiều hơn do chiến tranh thương mại giữa các nước lớn. Vì vậy giá bán trong nước quý III, IV giảm so với quý I, II lần lượt 2,62%, 5,45%. Xuất khẩu ngày càng thu hẹp sản lượng xuất khẩu quý II giảm so quý I 7,06% đến quý III, IV giảm sâu so với quý I lần lượt 25,22%; 55,28%. Trong lúc đó áp lực tiêu thụ để đạt kế hoạch doanh số rất lớn buộc công ty phải linh hoạt trong sản xuất để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng từ hàng chất lượng cao đến thấp.

- Lợi nhuận: Kết quả kinh doanh trước thuế năm 2018: 37,617 tỷ đồng hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận năm 2018 và 130,4% so với cùng kỳ năm trước.

BẢNG 05: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI 1 | 1,059,510,696,708 | 1,053,072,726,413 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI 2 | 4,768,280,536 | 3,825,078,978 |
| - Chiết khấu thương mại | 04 | | 1,471,595,994 | 1,033,750,414 |
| - Giảm giá hàng bán | 05 | | 112,995,636 | 19,073,880 |
| - Hàng bán bị trả lại | 06 | | 3,183,688,906 | 2,772,254,684 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | VI 3 | 1,054,742,416,172 | 1,049,247,647,435 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI 4 | 833,916,245,059 | 806,341,460,090 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 220,826,171,113 | 242,906,187,345 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI 5 | 1,457,918,294 | 722,320,881 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI 6 | 65,085,780,656 | 68,454,819,879 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 62,109,299,132 | 68,011,068,337 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI 9a | 101,433,476,656 | 130,186,913,881 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI 9b | 18,147,373,629 | 15,442,725,330 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 37,617,458,466 | 29,544,049,136 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI 7 | 19,055,125 | 805,320,479 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI 8 | | 1,610,448,956 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 19,055,125 | (805,128,477) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 37,636,513,591 | 28,738,920,659 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 8,113,018,728 | 3,919,171,853 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 29,523,494,863 | 24,819,748,806 |

Tổng phải nộp ngân sách năm 2018 là 58.322.221.450 đồng

Số đã nộp trong năm 51.443.100.347 đồng trong đó:

+ Nộp tại ngân sách địa phương tỉnh 35,250 tỷ đồng

+ Thuế hàng nhập khẩu: 16,193 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

Việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp luôn được chú trọng, theo dõi thường xuyên, chặt chẽ, chi tiết theo đối tượng, tăng cường công tác thu hồi nợ, tránh bị chiếm dụng, thất thoát. Vốn và tài sản nhà nước tại đơn vị năm 2018 không những được bảo toàn mà còn phát triển thêm thông qua lợi nhuận sau thuế tăng 18,95% so năm 2017.

Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Để đáp ứng đủ vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh tại 2 nhà máy sản xuất gỗ MDF và 01 xưởng sản xuất formandehyde, 01 Xưởng sản xuất Keo của Công ty thì nhu cầu vốn lưu động của công ty là rất lớn. Dư nợ tại thời điểm 01/01/2018 là 245,17 tỷ đồng đến thời điểm 31/12/2018 dư nợ 230,42 tỷ đồng giảm 15 tỷ đồng mặc dù quy mô hoạt động về sản

xuất, kinh doanh tăng. Khả năng thanh toán của công ty ở mức 1,15 lần so với nợ ngắn hạn tăng so với năm 2017 10%.

Dư nợ vốn vay dài hạn để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gỗ MDF dây chuyền 2 tại thời điểm 01/01/2018 là 520,60 tỷ đồng. Đến 31/12/2018 dư nợ dài hạn còn 461,6 tỷ đồng. Công ty đã trả được 60 tỷ đồng nợ dài hạn đến hạn phải trả theo đúng kế hoạch trả nợ của công ty.

Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp: Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả tại Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP, ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ “về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Các khoản nợ phải thu và nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp (TSLĐ/Nợ NH) là 1,13 từ hệ số này chứng tỏ doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình trạng tài chính lành mạnh.

5. Công tác xây dựng cơ bản:

Công tác đầu tư xây dựng năm 2018 tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục dự án sản xuất gỗ MDF dây chuyền 2 và các hạng mục mua sắm sửa chữa của năm 2017 đồng thời đầu tư 2 hạng mục cụ thể:

+ Mở rộng nhà kho dây chuyền 1: Dự toán được duyệt 8.002.080.000 đồng đã thực hiện hoàn thành.

+ Lắp đặt bổ sung thiết bị nhà máy 1 (hệ thống phun keo): Tổng dự toán 39.291.456.000 đồng, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu với giá trị là 32.755.800.000 đồng.

6. Công tác lao động – tiền lương:

Tổng số lao động bình quân năm 2018 là 395 người. Trong đó:

- Lao động trực tiếp : 344 người

- Lao động gián tiếp : 51 người

Thu nhập của CBCNV: Thực hiện đơn giá tiền lương theo kết quả kinh doanh trong năm 2018 Công ty thực hiện tổng quỹ tiền lương 42,515 tỷ đồng.

Đã ứng trả trước cho lương CBCNV, và chi trả ăn ca, tiền lễ phép vv.. tổng cộng 35,602 tỷ. Tổng thu nhập bình quân bao gồm ăn ca, lương nghỉ phép năm đạt: 7.550.000 đồng/người/tháng. Nếu thanh toán chi lương 100% thì thu nhập bình quân đạt 9.726.000 đồng/người/tháng.

Phần II: Kế hoạch SXKD - Đầu tư XDCB năm 2018.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018, thị trường tiêu thụ và tình hình biến động thực tế về giá cả của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, vốn đầu tư, lãi vay vốn và giá bán ra cũng như các Chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị xây dựng các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

| | |
|---|----------------------------------|
| 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh gỗ MDF: | |
| 1.1 Sản lượng sản xuất gỗ MDF: | 203.000 m ³ Trong đó: |
| + Sản lượng gỗ MDF đạt chất lượng: | 202.642 m ³ ; |
| + Sản lượng MDF hư hỏng: | 358 m ³ . |
| 1.2 Sản lượng tiêu thụ gỗ MDF: | 199.308 m ³ Trong đó: |
| + Xuất khẩu: | 36.626 m ³ ; |
| + Nội địa: | 162.682 m ³ . |
| 2. Tổng doanh thu thuần: | 1.070.665 triệu đồng. Trong đó: |
| 2.1 Doanh thu gỗ MDF : | 1.070.665 triệu đồng; |
| 2.2 Doanh thu động tài chính: | 0 đồng. |
| 3. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: | 25.783 triệu đồng. Trong đó: |
| + Lợi nhuận từ SXKD gỗ MDF: | 85.468 triệu đồng; |
| + Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: | -59.685 triệu đồng. |
| 4 Tỷ suất lợi nhuận: | |
| 4.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu: | 2,41% |
| 4.2 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ: | 4,68% |
| 5. Nhu cầu vốn đầu tư và XDCB: | 135.350 triệu đồng. Trong đó: |
| + Mua sắm - Đầu tư XDCB: | 45.350 triệu đồng; |
| + Trả vốn vay dài hạn đến hạn: | 90.000 triệu đồng. |
| 6. Nguồn vốn ĐT và XDCB (trích từ khấu hao): | 135.350 triệu đồng. |

1. Sản xuất:

Tổng sản lượng sản xuất kế hoạch năm 2018 đạt 203.000 m³ thấp hơn năm trước do Công ty thay đổi cơ cấu chủng loại sản phẩm. Kế hoạch sản xuất năm 2019 tập trung phần lớn vào các loại sản phẩm chất lượng cao có công suất thấp như MDF Carb P2, MDF E1, MDF chống ẩm, HDF, HDF chống ẩm vv... nên sản lượng thấp hơn năm trước. Nhưng giá bán cao hơn đồng thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ theo xu hướng sản phẩm sạch, không gây độc hại cho sức khỏe và môi trường.

Về sản lượng sản xuất Dây chuyền 1 sản xuất 75.000 m³ đạt 125% công suất thiết kế. Dây chuyền 2 sản xuất 128.000 m³ đạt 107% công suất thiết kế 120.000 m³. Do các sản phẩm chất lượng cao tập trung sản xuất tại dây chuyền 2 nếu quy đổi ra sản phẩm E2 thông thường thì sản lượng vượt trên 20% công suất thiết kế.

2. Về giá thành sản xuất - giá vốn:

Giá thành sản xuất gỗ MDF ngoài chi phí khấu hao, lãi vay vốn đầu tư, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn 65% (biểu số 2: Giá thành kế hoạch 2019) ảnh hưởng của 2 yếu tố là định mức tiêu hao và giá cả đầu vào.

- Yếu tố về định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu tùy theo độ dày từng loại ván, từng loại gỗ MDF, HDF vv... định mức tiêu hao khác nhau được xây dựng trên cơ sở tỷ trọng tùy theo độ dày ván, tỷ lệ phối trộn hóa chất, chủng loại ván sản xuất vv....

- Yếu tố giá cả đầu vào: Đối với nguyên liệu Gỗ dựa vào cơ sở thực hiện giá cả đầu vào sản xuất tại công ty cổ phần gỗ MDF qua các năm dự báo năm 2019 giá thu mua gỗ bình quân tăng so với năm trước khoảng 10% phù hợp với quy luật tăng giá trên và thực tế thu mua cuối năm 2018. Đối với các nguyên liệu khác dự kiến bình ổn giá so với năm 2018.

Các chi phí sản xuất chung như chi phí phụ tùng thay thế, chi phí phân bổ và các chi phí liên quan khác được xây dựng trên cơ sở hoạt động dự phòng của công ty qua các năm đã ổn định và có tính giảm dần.

3. Về hoạt động kinh doanh:

Tổng sản lượng tiêu thụ kế hoạch năm 2018 được xây dựng sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó trong đó cơ cấu thị trường tiêu thụ xuất khẩu 18,4% thấp hơn so năm trước. Giá bán không cao hơn năm 2018 ngoại trừ có điều chỉnh tăng một số mặt hàng để phù hợp với giá thành sản xuất, chủng loại sản phẩm. Dự báo tình hình kinh doanh năm 2019 là khó khăn đối với công ty do chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ nên hàng hóa từ Trung Quốc sẽ tràn ngập vào Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp việc tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu đối với sản phẩm của công ty. Ở trong nước nhiều nhà máy sản xuất gỗ MDF lớn bắt đầu sản xuất thương mại, cạnh tranh giá bán trực tiếp với công ty nên giá bán năm 2019 sẽ không cao hơn so với 2018.

4. Lợi nhuận:

Do Nhà máy sản xuất gỗ MDF dây chuyền 2 mới đưa vào hoạt động chi phí lãi vay lớn nên giá bán không bù đủ chi phí lãi vay 60 tỷ đồng. Dây chuyền 1 phải trích thêm trên 17 tỷ đồng tiền giá trị tăng thêm theo thông tư 07. Đồng thời ảnh hưởng lớn từ nhà máy Giấy của Trung Quốc tại Lào rất gần với Công ty nên việc cạnh tranh giá thu mua nguyên liệu ngày càng gay gắt làm gia tăng chi phí. Vì những lý do khách quan trên năm 2019 Công ty chỉ xây dựng mục tiêu lợi nhuận 25,78 tỷ đồng bằng 68% so năm trước. Nếu tính riêng phần sản xuất kinh doanh chính không tính phần hoạt động tài chính thì lợi nhuận đạt trên 85 tỷ đồng.

5. Đầu tư xây dựng cơ bản và tài chính dài hạn:

Kế hoạch tổng nhu cầu vốn đầu tư trong năm 2018: 135.350 tỷ đồng trong đó:

- Trả vốn gốc đầu tư nhà máy sản xuất gỗ MDF dây chuyền 2 năm 2019 dự kiến: 90 tỷ đồng từ nguồn khấu hao nhà máy.

- Đầu tư xây dựng mua sắm mới năm 2019: 45.350 tỷ đồng bằng nguồn từ khấu hao cụ thể.

+ Tại dây chuyền 1: Đầu tư hệ thống PCCC sau khi đã hoàn thiện mở rộng nhà xưởng dây chuyền 1 theo quy định bắt buộc giá trị khoảng 2 tỷ đồng. Đầu tư mới máy bơm dầm 7 tỷ đồng. Do cần thiết phải đầu tư vì dây chuyền 1 hoạt động trên 13 năm, giá trị khấu hao đã hết máy bơm cũ xuống cấp công suất sản xuất giảm. Vì vậy cần thiết phải đầu tư thêm máy bơm công suất nhỏ nhằm bổ sung thêm công suất hoạt động cho máy bơm cũ để đáp ứng đủ lượng dầm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Đồng thời dự phòng cho sản xuất khi máy bơm hiện tại có sự cố, hư hỏng.

+ Tại dây chuyền 2: Đầu tư Băng tải thép 15 tỷ đồng để dự phòng thay thế cho 2 nhà máy khi bị hư hỏng. Do Băng tải thép nhập khẩu từ nước ngoài thời gian từ khi đặt hàng đến khi nhận hàng trên 6 tháng. Nếu không may Băng tải thép bị hư hỏng không khắc phục, không sử dụng được khi đó cả dây chuyền phải dừng hoạt động trong thời

gian rất dài ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy rất cần thiết phải có Bảng tải dự phòng.

Máy nén khí 2,5 tỷ đồng dự phòng để thông bụi chà bóng khi không đủ áp làm cho hệ thống hút bụi bị tắc nghẽn không hoạt động được.

Cần thiết phải đầu tư thêm 2 xe xúc tại nhà máy 2 do hiện tại công ty tăng cường nhập nguyên liệu gỗ dăm từ các nhà máy băm dăm vệ tinh về bãi tập kết của công ty. Đòi hỏi phải xúc dăm từ bãi vào hệ thống sản xuất của công ty đồng thời bổ sung cho dây chuyền 1 khi cần thiết nên phải mua xe xúc phục vụ cho việc sản xuất.

Nơi nhận:

- Tập đoàn CNCsvn (để BC);
- HĐQT, BKS Cty (để BC);
- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Thanh Nam

